BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Số: 880 /QĐ-YDHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Điều dưỡng hệ liên thông vừa làm vừa học Cao đẳng lên Đại học khoá 2019 – 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-YDHP ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (sửa đổi, bổ sung lần 1);

Căn cứ vào biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên ngành Điều dưỡng hệ liên thông vừa làm vừa học Cao đẳng lên Đại học khoá 2019-2021 ngày 15/7/2021;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Điều dưỡng hệ liên thông vừa làm vừa học Cao đẳng lên Đại học cho 271 (Hai trăm bảy mươi mốt) sinh viên khoá 2019 – 2021, trong đó:

01 sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc

205 sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi

65 sinh viên tốt nghiệp loại Khá

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Nơi nhận:
- Bộ GD & ĐT (Vụ GDĐH);
- Bộ Y tế (Cục KHCN&ĐT);
- Như điều 3;
- Lưu: Văn thư, ĐTĐH.

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC
CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC KHOÁ 2019 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: ...880.../QĐ-YDHP ngày ...16... tháng ...7... năm 2021)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
1	1940000143	Đỗ Ngọc	Anh	Nam	27/4/1989	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.27	Giỏi	HPMU.B001556	000235/2021/VLVH
2	1940000209	Trần Tuấn	Anh	Nam	04/11/1995	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	2.94	Khá	HPMU.B001557	000236/2021/VLVH
3	1940000200	Vũ Thị Kim	Anh	Nữ	06/8/1990	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.19	Khá	HPMU.B001558	000237/2021/VLVH
4	1940000139	Bùi Ngọc Linh	Chi	Nữ	29/9/1996	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.19	Khá	HPMU.B001559	000238/2021/VLVH
5	1940000114	Bùi Quang	Dũng	Nam	16/10/1990	Tỉnh Hải Dương	Điều dưỡng CD.K2A	3.25	Giỏi	HPMU.B001560	000239/2021/VLVH
6	1940000273	Đào Thị Thu	Giang	Nữ	10/11/1993	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.41	Khá	HPMU.B001561	000240/2021/VLVH
7	1940000178	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	26/10/1987	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2A	3.27	Giỏi	HPMU.B001562	000241/2021/VLVH
8	1940000197	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	27/04/1989	Hong Kong	Điều dưỡng CD.K2A	3.13	Khá	HPMU.B001563	000242/2021/VLVH
9	1940000137	Nguyễn Hương	Hiền	Nữ	24/7/1991	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.4	Giỏi	HPMU.B001564	000243/2021/VLVH
10	1940000198	Phạm Thị	Hòa	Nữ	18/3/1978	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.39	Giỏi	HPMU.B001565	000244/2021/VLVH
11	1940000140	Trần Thị Thanh	Hòa	Nữ	13/3/1990	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.22	Giỏi	HPMU.B001566	000245/2021/VLVH
12	1940000203	Hoàng Thị	Hường	Nữ	06/05/1989	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.35	Giỏi	HPMU.B001567	000246/2021/VLVH
13	1940000152	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	17/03/1987	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.35	Giỏi	HPMU.B001568	000247/2021/VLVH
14	1940000269	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	13/10/1988	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.33	Giỏi	HPMU.B001569	000248/2021/VLVH
15	1940000210	Đỗ Thị	Mơ	Nữ	05/10/1983	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.4	Khá	HPMU.B001570	000249/2021/VLVH
16	1940000212	Đào Thị Yến	Nga	Nữ	8/10/1989	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.26	Giỏi	HPMU.B001571	000250/2021/VLVH
17	1940000124	Đinh Thị	Nga	Nữ	09/01/1993	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng CD.K2A	3.35	Giỏi	HPMU.B001572	000251/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
18	1940000117	Phan Thị	Ngọc	Nữ	21/9/1982	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.39	Giỏi	HPMU.B001573	000252/2021/VLVH
19	1940000153	Vũ Thị Thúy	Ngọc	Nữ	27/01/1987	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.3	Giỏi	HPMU.B001574	000253/2021/VLVH
20	1940000208	Ngô Thị	Nhàn	Nữ	05/10/1987	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.24	Giỏi	HPMU.B001575	000254/2021/VLVH
21	1940000136	Bùi Thị Yến	Phương	Nữ	01/12/1991	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.3	Giỏi	HPMU.B001576	000255/2021/VLVH
22	1940000199	Lê Thị Mai	Phương	Nữ	01/12/1994	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.39	Giỏi	HPMU.B001577	000256/2021/VLVH
23	1940000274	Trần Thị	Phương	Nữ	28/4/1990	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.22	Giỏi	HPMU.B001578	000257/2021/VLVH
24	1940000157	Vũ Thị	Phương	Nữ	27/8/1985	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.31	Giỏi	HPMU.B001579	000258/2021/VLVH
25	1940000091	Đỗ Thị	Sen	Nữ	29/01/1986	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.39	Giỏi	HPMU.B001580	000259/2021/VLVH
26	1940000097	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	17/01/1987	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.26	Khá	HPMU.B001581	000260/2021/VLVH
27	1940000162	Phạm Thị Hương	Thảo	Nữ	08/10/1984	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.24	Giỏi	HPMU.B001582	000261/2021/VLVH
28	1940000182	Lương Thị	Thoa	Nữ	04/01/1990	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.16	Khá	HPMU.B001583	000262/2021/VLVH
29	1940000201	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/02/1989	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2A	3.27	Khá	HPMU.B001584	000263/2021/VLVH
30	1940000133	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	10/01/1987	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.34	Giỏi	HPMU.B001585	000264/2021/VLVH
31	1940000271	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	03/8/1988	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2A	3.33	Giỏi	HPMU.B001586	000265/2021/VLVH
32	1940000142	Phạm Thị Ngọc	Thúy	Nữ	16/01/1989	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.22	Giỏi	HPMU.B001587	000266/2021/VLVH
33	1940000115	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	08/9/1993	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.27	Giỏi	HPMU.B001588	000267/2021/VLVH
34	1940000270	Vũ Thị	Trang	Nữ	28/6/1988	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2A	3.39	Giỏi	HPMU.B001589	000268/2021/VLVH
35	1940000272	Ninh Thị Hà	Vân	Nữ	20/5/1988	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.31	Giỏi	HPMU.B001590	000269/2021/VLVH
36	1940000155	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	02/8/1987	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.39	Giỏi	HPMU.B001591	000270/2021/VLVH
37	1940000202	Vũ Hải	Yến	Nữ	09/11/1991	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2A	3.21	Khá	HPMU.B001592	000271/2021/VLVH
38	1940000253	Duy Thị	Bình	Nữ	28/9/1979	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.39	Giỏi	HPMU.B001593	000272/2021/VLVH
39	1940000254	Bồ Thị Minh	Châm	Nữ	12/4/1992	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.4	Giỏi	HPMU.B001594	000273/2021/VLVH
40	1940000255	Đỗ Thị	Chung	Nữ	08/01/1990	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.4	Giỏi	HPMU.B001595	000274/2021/VLVH
41	1940000256	Trần Thị Kim	Cúc	Nữ	16/12/1992	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.27	Giỏi	HPMU.B001596	000275/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
42	1940000257	Lê Thị	Định	Nữ	20/07/1982	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.19	Khá	HPMU.B001597	000276/2021/VLVH
43	1940000225	Nguyễn Thị	Đóa	Nữ	02/01/1992	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.21	Giỏi	HPMU.B001598	000277/2021/VLVH
44	1940000230	Nguyễn Trung	Đức	Nam	26/9/1995	Tỉnh Ninh Bình	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.04	Khá	HPMU.B001599	000278/2021/VLVH
45	1940000233	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	16/02/1984	Tỉnh Nghệ An	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.28	Giỏi	HPMU.B001600	000279/2021/VLVH
46	1940000236	Lê Khắc	Hà	Nam	21/6/1985	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.14	Khá	HPMU.B001601	000280/2021/VLVH
47	1940000238	Nguyễn Thị Thu	Hải	Nữ	25/01/1982	Tỉnh Thái Nguyên	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.14	Khá	HPMU.B001602	000281/2021/VLVH
48	1940000240	Bùi Thị Bích	Hạnh	Nữ	13/6/1990	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.2	Giỏi	HPMU.B001603	000282/2021/VLVH
49	1940000239	Phan Thị Hồng	Hạnh	Nữ	19/6/1993	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.23	Giỏi	HPMU.B001604	000283/2021/VLVH
50	1940000252	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	28/3/1983	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.37	Giỏi	HPMU.B001605	000284/2021/VLVH
51	1940000251	Trần Thị	Hoa	Nữ	6/11/1988	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.16	Khá	HPMU.B001606	000285/2021/VLVH
52	1940000249	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	23/02/1986	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.18	Khá	HPMU.B001607	000286/2021/VLVH
53	1940000248	Trần Thị	Hồng	Nữ	24/2/1990	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.39	Giỏi	HPMU.B001608	000287/2021/VLVH
54	1940000229	Nguyễn Ngọc	Huân	Nam	14/4/1983	Tỉnh Hải Dương	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.32	Giỏi	HPMU.B001609	000288/2021/VLVH
55	1940000228	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	01/12/1989	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.26	Giỏi	HPMU.B001610	000289/2021/VLVH
56	1940000231	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/8/1982	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.32	Giỏi	HPMU.B001611	000290/2021/VLVH
57	1940000232	Ngô Thu	Hương	Nữ	18/12/1985	Tỉnh Bắc Ninh	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.06	Khá	HPMU.B001612	000291/2021/VLVH
58	1940000234	Phùng Thị Thu	Hương	Nữ	04/8/1982	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.34	Giỏi	HPMU.B001613	000292/2021/VLVH
59	1940000226	Đào Thị	Huyền	Nữ	30/12/1989	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.3	Giỏi	HPMU.B001614	000293/2021/VLVH
60	1940000237	Lưu Thị Thanh	Huyền	Nữ	17/03/1986	Tỉnh Hà Nam	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.24	Giỏi	HPMU.B001615	000294/2021/VLVH
61	1940000235	Ngô Thu	Huyền	Nữ	04/9/1987	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.24	Giỏi	HPMU.B001616	000295/2021/VLVH
62	1940000227	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	09/12/1985	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.12	Khá	HPMU.B001617	000296/2021/VLVH
63	1940000258	Đinh Trọng	Khôi	Nam	24/08/1985	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.28	Giỏi	HPMU.B001618	000297/2021/VLVH
64	1940000243	Phạm Thị	Khương	Nữ	17/12/1986	Tỉnh Hải Dương	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.35	Giỏi	HPMU.B001619	000298/2021/VLVH
65	1940000247	Phạm Thị	Lan	Nữ	21/9/1987	Tỉnh Hà Nam	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.32	Giỏi	HPMU.B001620	000299/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
66	1940000245	Vũ Thị	Lan	Nữ	11/10/1990	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.3	Giỏi	HPMU.B001621	000300/2021/VLVH
67	1940000250	Vũ Thùy	Linh	Nữ	13/9/1993	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.23	Giỏi	HPMU.B001622	000301/2021/VLVH
68	1940000268	Lê Thanh	Loan	Nữ	27/8/1983	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.4	Giỏi	HPMU.B001623	000302/2021/VLVH
69	1940000259	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	20/02/1977	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.4	Giỏi	HPMU.B001624	000303/2021/VLVH
70	1940000223	Nguyễn Thị	Luân	Nữ	20/12/1982	Tỉnh Hải Dương	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.35	Giỏi	HPMU.B001625	000304/2021/VLVH
71	1940000244	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	30/7/1994	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.2	Giỏi	HPMU.B001626	000305/2021/VLVH
72	1940000246	Bùi Thị	Minh	Nữ	11/08/1988	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.26	Giỏi	HPMU.B001627	000306/2021/VLVH
73	1940000215	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	16/5/1993	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.19	Khá	HPMU.B001628	000307/2021/VLVH
74	1940000217	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	14/10/1985	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.28	Giỏi	HPMU.B001629	000308/2021/VLVH
75	1940000214	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	06/08/1988	Tỉnh Hà Nam	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.37	Giỏi	HPMU.B001630	000309/2021/VLVH
76	1940000213	Cao Thị	Ngoan	Nữ	14/11/1994	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.24	Giỏi	HPMU.B001631	000310/2021/VLVH
77	1940000242	Trần Thị	Phương	Nữ	14/06/1986	Tỉnh Hải Dương	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.33	Giỏi	HPMU.B001632	000311/2021/VLVH
78	1940000241	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	11/11/1979	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.07	Khá	HPMU.B001633	000312/2021/VLVH
79	1940000222	Nguyễn Đình	Quân	Nam	16/11/1978	Tỉnh Bắc Giang	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	2.96	Khá	HPMU.B001634	000313/2021/VLVH
80	1940000267	Vũ Hồng	Quân	Nam	23/10/1995	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.29	Giỏi	HPMU.B001635	000314/2021/VLVH
81	1940000221	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	11/10/1983	Tỉnh Bắc Ninh	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.3	Giỏi	HPMU.B001636	000315/2021/VLVH
82	1940000224	Nguyễn Thị Út	Tâm	Nữ	05/12/1991	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.39	Giỏi	HPMU.B001637	000316/2021/VLVH
83	1940000220	Lê Hoàng	Thanh	Nữ	02/9/1979	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.56	Giỏi	HPMU.B001638	000317/2021/VLVH
84	1940000218	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	06/3/1986	Tỉnh Ninh Bình	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.35	Giỏi	HPMU.B001639	000318/2021/VLVH
85	1940000219	Trần Thị	Thu	Nữ	01/9/1987	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.37	Giỏi	HPMU.B001640	000319/2021/VLVH
86	1940000266	Lê Thị	Thương	Nữ	10/8/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.33	Giỏi	HPMU.B001641	000320/2021/VLVH
87	1940000216	Vũ Thị	Thúy	Nữ	23/2/1991	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.2	Giỏi	HPMU.B001642	000321/2021/VLVH
88	1940000265	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	5/01/1986	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.41	Giỏi	HPMU.B001643	000322/2021/VLVH
89	1940000264	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	01/10/1984	Tỉnh Bắc Ninh	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.24	Giỏi	HPMU.B001644	000323/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
90	1940000263	Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	08/12/1973	Tỉnh Bắc Giang	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.07	Khá	HPMU.B001645	000324/2021/VLVH
91	1940000262	Lưu Thị ánh	Tuyết	Nữ	25/5/1990	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.33	Giỏi	HPMU.B001646	000325/2021/VLVH
92	1940000261	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	11/11/1992	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.38	Giỏi	HPMU.B001647	000326/2021/VLVH
93	1940000260	Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	23/11/1982	Thành phố Hà Nội	Điều dưỡng CD.K2B_YHCT HN	3.32	Giỏi	HPMU.B001648	000327/2021/VLVH
94	1940000129	Nguyễn Thúy	An	Nữ	15/09/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.14	Khá	HPMU.B001874	000439/2021/VLVH
95	1940000180	Nguyễn Hồng	Anh	Nam	03/07/1996	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.16	Khá	HPMU.B001875	000440/2021/VLVH
96	1940000159	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	22/01/1995	Liên Bang Nga	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.23	Giỏi	HPMU.B001876	000441/2021/VLVH
97	1940000126	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	21/03/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.21	Giỏi	HPMU.B001877	000442/2021/VLVH
98	1940000134	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	06/06/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.57	Giỏi	HPMU.B001878	000443/2021/VLVH
99	1940000145	Vũ Hoàng	Chung	Nam	16/10/1995	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.08	Khá	HPMU.B001879	000444/2021/VLVH
100	1940000112	Nguyễn Minh	Công	Nam	17/10/1992	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.22	Giỏi	HPMU.B001880	000445/2021/VLVH
101	1940000170	Vũ Ngọc	Cúc	Nữ	12/02/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.19	Khá	HPMU.B001881	000446/2021/VLVH
102	1940000154	Đỗ Đức	Đại	Nam	25/11/1992	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.01	Khá	HPMU.B001882	000447/2021/VLVH
103	1940000181	Bùi Thành	Đạt	Nam	21/12/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.28	Giỏi	HPMU.B001883	000448/2021/VLVH
104	1940000206	Bùi Thị	Doan	Nữ	26/07/1987	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.36	Giỏi	HPMU.B001884	000449/2021/VLVH
105	1940000148	Lê Thị	Dung	Nữ	13/10/1992	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.34	Giỏi	HPMU.B001885	000450/2021/VLVH
106	1940000102	Ngô Thị Thanh	Dung	Nữ	26/05/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.38	Giỏi	HPMU.B001886	000451/2021/VLVH
107	1940000113	Vũ Thùy	Dung	Nữ	28/02/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.23	Giỏi	HPMU.B001887	000452/2021/VLVH
108	1940000184	Vũ Tiến	Dũng	Nam	21/09/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.07	Khá	HPMU.B001888	000453/2021/VLVH
109	1940000122	Lương Minh	Giáp	Nam	15/08/1984	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.5	Giỏi	HPMU.B001889	000454/2021/VLVH
110	1940000111	Lê Thị	Hà	Nữ	15/07/1984	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.18	Khá	HPMU.B001890	000455/2021/VLVH
111	1940000161	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	25/01/1984	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.18	Khá	HPMU.B001891	000456/2021/VLVH
112	1940000103	Nguyễn Đức	Hải	Nam	09/06/1984	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.19	Khá	HPMU.B001892	000457/2021/VLVH
113	1940000104	Nguyễn Hùng	Hải	Nam	16/06/1989	Tỉnh Lào Cai	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.11	Khá	HPMU.B001893	000458/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
114	1940000179	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	17/05/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.12	Khá	HPMU.B001894	000459/2021/VLVH
115	1940000190	Nguyễn Văn	Hạnh	Nam	30/07/1992	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.12	Khá	HPMU.B001895	000460/2021/VLVH
116	1940000189	Thái Thị Thu	Hiền	Nữ	17/06/1995	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.37	Giỏi	HPMU.B001896	000461/2021/VLVH
117	1940000146	Dương Thị Thúy	Hoa	Nữ	20/08/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.3	Giỏi	HPMU.B001897	000462/2021/VLVH
118	1940000147	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	29/07/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.45	Giỏi	HPMU.B001898	000463/2021/VLVH
119	1940000194	Hà Thu	Hoài	Nữ	14/8/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.49	Giỏi	HPMU.B001899	000464/2021/VLVH
120	1940000186	Lương Thị Kim	Hoàn	Nữ	14/02/1983	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.34	Giỏi	HPMU.B001900	000465/2021/VLVH
121	1940000187	Bế Thị Thanh	Huệ	Nữ	21/12/1982	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.36	Giỏi	HPMU.B001901	000466/2021/VLVH
122	1940000167	Phạm Minh	Hưng	Nam	20/11/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.04	Khá	HPMU.B001902	000467/2021/VLVH
123	1940000188	Lý Thị	Hương	Nữ	03/12/1992	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.47	Giỏi	HPMU.B001903	000468/2021/VLVH
124	1940000168	Phạm Thu	Hương	Nữ	10/10/1983	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.2	Giỏi	HPMU.B001904	000469/2021/VLVH
125	1940000095	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/02/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.23	Giỏi	HPMU.B001905	000470/2021/VLVH
126	1940000160	Đỗ Thị Thu	Huyền	Nữ	30/05/1983	Tỉnh Hà Nam	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.12	Khá	HPMU.B001906	000471/2021/VLVH
127	1940000177	Lê Thị	Huyền	Nữ	28/08/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.26	Giỏi	HPMU.B001907	000472/2021/VLVH
128	1940000191	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/03/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.33	Giỏi	HPMU.B001908	000473/2021/VLVH
129	1940000093	Vũ Như	Khoa	Nam	12/10/1983	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.52	Giỏi	HPMU.B001909	000474/2021/VLVH
130	1940000121	Vũ Thị Mai	Lan	Nữ	23/06/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.41	Giỏi	HPMU.B001910	000475/2021/VLVH
131	1940000116	Trần Thị Bích	Lân	Nữ	04/05/1984	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.25	Giỏi	HPMU.B001911	000476/2021/VLVH
132	1940000118	Phạm Thị	Ly	Nữ	24/12/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.35	Giỏi	HPMU.B001912	000477/2021/VLVH
133	1940000166	Lương Thị	Mai	Nữ	23/07/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.31	Giỏi	HPMU.B001913	000478/2021/VLVH
134	1940000204	Vũ Thị	Minh	Nữ	08/04/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.3	Giỏi	HPMU.B001914	000479/2021/VLVH
135	1940000205	Nguyễn Thị Huyền	My	Nữ	08/06/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.25	Giỏi	HPMU.B001915	000480/2021/VLVH
136	1940000164	Vũ Thành	Nam	Nam	22/01/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.2	Giỏi	HPMU.B001916	000481/2021/VLVH
137	1940000092	Ngô Thị Kim	Ngân	Nữ	16/11/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.39	Giỏi	HPMU.B001917	000482/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
138	1940000100	Nguyễn Thị Phương	Ngân	Nữ	11/08/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.32	Giỏi	HPMU.B001918	000483/2021/VLVH
139	1940000174	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	09/08/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.26	Giỏi	HPMU.B001919	000484/2021/VLVH
140	1940000130	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	20/11/1979	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.12	Khá	HPMU.B001920	000485/2021/VLVH
141	1940000101	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24/10/1991	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.36	Giỏi	HPMU.B001921	000486/2021/VLVH
142	1940000195	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	01/07/1987	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.11	Khá	HPMU.B001922	000487/2021/VLVH
143	1940000173	Lương Thị Thanh	Nhàn	Nữ	16/09/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.16	Khá	HPMU.B001923	000488/2021/VLVH
144	1940000132	Phạm Thị	Nhị	Nữ	04/06/1984	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.25	Giỏi	HPMU.B001924	000489/2021/VLVH
145	1940000106	Đào Thị	Nhung	Nữ	13/05/1983	Tỉnh Hà Nam	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.15	Khá	HPMU.B001925	000490/2021/VLVH
146	1940000169	Lê Thị	Nhung	Nữ	30/12/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.41	Giỏi	HPMU.B001926	000491/2021/VLVH
147	1940000176	Lương Thị	Nhung	Nữ	26/10/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.32	Giỏi	HPMU.B001927	000492/2021/VLVH
148	1940000192	Bùi Thị	Oanh	Nữ	23/03/1989	Tỉnh Hải Dương	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.13	Khá	HPMU.B001928	000493/2021/VLVH
149	1940000211	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	19/10/1987	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	2.95	Khá	HPMU.B001929	000494/2021/VLVH
150	1940000123	Nguyễn Khắc	Sang	Nam	17/01/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.42	Giỏi	HPMU.B001930	000495/2021/VLVH
151	1940000119	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	23/03/1989	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.3	Giỏi	HPMU.B001931	000496/2021/VLVH
152	1940000144	Trịnh Thị	Tâm	Nữ	26/09/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.2	Giỏi	HPMU.B001932	000497/2021/VLVH
153	1940000110	Ngô Thị Hồng	Thắm	Nữ	23/10/1996	Tỉnh Sơn La	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.04	Khá	HPMU.B001933	000498/2021/VLVH
154	1940000141	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	14/07/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.15	Khá	HPMU.B001934	000499/2021/VLVH
155	1940000156	Đặng Quốc	Thành	Nam	12/03/1982	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.14	Khá	HPMU.B001935	000500/2021/VLVH
156	1940000149	Đặng Phương	Thảo	Nữ	06/08/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.4	Giỏi	HPMU.B001936	000501/2021/VLVH
157	1940000109	Phạm Thị Hương	Thảo	Nữ	20/07/1983	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.22	Giỏi	HPMU.B001937	000502/2021/VLVH
158	1940000099	Vũ Thị	Thảo	Nữ	01/04/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.46	Giỏi	HPMU.B001938	000503/2021/VLVH
159	1940000108	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	29/11/1982	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.25	Giỏi	HPMU.B001939	000504/2021/VLVH
160	1940000185	Hoàng Duy	Thiêm	Nam	27/09/1982	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.41	Giỏi	HPMU.B001940	000505/2021/VLVH
161	1940000193	Lê Thị Lệ	Thu	Nữ	17/09/1982	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.42	Giỏi	HPMU.B001941	000506/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
162	1940000196	Bùi Thị	Thụ	Nữ	21/09/1988	Thành phố Hải Phòng	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.32	Giỏi	HPMU.B001942	000507/2021/VLVH
163	1940000150	Đỗ Thị Huyền	Thương	Nữ	03/10/1981	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.18	Khá	HPMU.B001943	000508/2021/VLVH
164	1940000127	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	01/08/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.39	Giỏi	HPMU.B001944	000509/2021/VLVH
165	1940000096	Phạm Thị Hồng	Thúy	Nữ	05/11/1984	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.36	Giỏi	HPMU.B001945	000510/2021/VLVH
166	1940000105	Trương Thị	Thúy	Nữ	10/04/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.3	Giỏi	HPMU.B001946	000511/2021/VLVH
167	1940000207	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	21/05/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.27	Giỏi	HPMU.B001947	000512/2021/VLVH
168	1940000165	Đào Thúy	Tình	Nữ	12/12/1982	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.14	Khá	HPMU.B001948	000513/2021/VLVH
169	1940000158	Phạm Thị	Tình	Nữ	05/09/1981	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.34	Giỏi	HPMU.B001949	000514/2021/VLVH
170	1940000094	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	02/01/1985	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.26	Giỏi	HPMU.B001950	000515/2021/VLVH
171	1940000171	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	27/02/1987	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.17	Khá	HPMU.B001951	000516/2021/VLVH
172	1940000172	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	26/10/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.35	Giỏi	HPMU.B001952	000517/2021/VLVH
173	1940000151	Trần Thị Thanh	Trang	Nữ	11/12/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.53	Giỏi	HPMU.B001953	000518/2021/VLVH
174	1940000135	Vũ Thị	Trang	Nữ	23/08/1992	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.26	Giỏi	HPMU.B001954	000519/2021/VLVH
175	1940000131	Trần Thái	Tuân	Nam	22/10/1995	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.13	Khá	HPMU.B001955	000520/2021/VLVH
176	1940000175	Lê Thị	Tươi	Nữ	28/06/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.2	Giỏi	HPMU.B001956	000521/2021/VLVH
177	1940000098	Bùi Anh	Tuyến	Nam	11/11/1981	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.19	Khá	HPMU.B001957	000522/2021/VLVH
178	1940000125	Đặng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	08/04/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.12	Khá	HPMU.B001958	000523/2021/VLVH
179	1940000128	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	05/10/1988	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.18	Khá	HPMU.B001959	000524/2021/VLVH
180	1940000120	Vũ Thị	Xuân	Nữ	07/01/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.32	Giỏi	HPMU.B001960	000525/2021/VLVH
181	1940000107	Trần Thị	Yến	Nữ	06/09/1986	Tỉnh Quảng Ninh	Điều dưỡng CD.K2C_YHCT QN	3.27	Giỏi	HPMU.B001961	000526/2021/VLVH
182	1940000021	Bùi Thúy	An	Nữ	08/09/1995	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.29	Giỏi	HPMU.B001962	000527/2021/VLVH
183	1940000072	Hồ Lâm	Anh	Nữ	30/08/1996	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.26	Giỏi	HPMU.B001963	000528/2021/VLVH
184	1940000083	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	18/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.37	Giỏi	HPMU.B001964	000529/2021/VLVH
185	1940000064	Hoàng Thị	Bích	Nữ	26/02/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.22	Giỏi	HPMU.B001965	000530/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
186	1940000022	Lê Đình	Cao	Nam	26/01/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.35	Giỏi	HPMU.B001966	000531/2021/VLVH
187	1940000033	Nguyễn Thị	Chình	Nữ	10/02/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.38	Giỏi	HPMU.B001967	000532/2021/VLVH
188	1940000042	Nguyễn Đình	Chung	Nam	05/05/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.25	Giỏi	HPMU.B001968	000533/2021/VLVH
189	1940000074	Phạm Thị	Chuyên	Nữ	07/10/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.22	Giỏi	HPMU.B001969	000534/2021/VLVH
190	1940000053	Đinh Thế	Công	Nam	27/01/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.64	Xuất sắc	HPMU.B001970	000535/2021/VLVH
191	1940000051	Ngô Quang	Cường	Nam	28/02/1986	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.28	Giỏi	HPMU.B001971	000536/2021/VLVH
192	1940000052	Cao Thị	Dung	Nữ	15/03/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.47	Giỏi	HPMU.B001972	000537/2021/VLVH
193	1940000060	Lê Thùy	Dung	Nữ	21/03/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.21	Giỏi	HPMU.B001973	000538/2021/VLVH
194	1940000007	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	15/06/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.36	Giỏi	HPMU.B001974	000539/2021/VLVH
195	1940000030	Lê Văn	Dũng	Nam	06/08/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.15	Khá	HPMU.B001975	000540/2021/VLVH
196	1940000085	Mai Ngọc	Dương	Nam	30/07/1991	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.26	Giỏi	HPMU.B001976	000541/2021/VLVH
197	1940000036	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	18/09/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.34	Giỏi	HPMU.B001977	000542/2021/VLVH
198	1940000056	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	25/01/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.28	Giỏi	HPMU.B001978	000543/2021/VLVH
199	1940000035	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	03/02/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.32	Giỏi	HPMU.B001979	000544/2021/VLVH
200	1940000001	Thiều Thị	Hải	Nữ	05/05/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.41	Giỏi	HPMU.B001980	000545/2021/VLVH
201	1940000034	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	15/09/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.28	Giỏi	HPMU.B001981	000546/2021/VLVH
202	1940000015	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	28/08/1984	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.22	Giỏi	HPMU.B001982	000547/2021/VLVH
203	1940000081	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	05/02/1980	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.28	Giỏi	HPMU.B001983	000548/2021/VLVH
204	1940000038	Trịnh Thị	Hằng	Nữ	03/10/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.18	Khá	HPMU.B001984	000549/2021/VLVH
205	1940000070	Vũ Ngọc	Hạnh	Nam	22/03/1980	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.09	Khá	HPMU.B001985	000550/2021/VLVH
206	1940000004	Lê Thị	Hiền	Nữ	17/06/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.31	Giỏi	HPMU.B001986	000551/2021/VLVH
207	1940000049	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	08/02/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.25	Giỏi	HPMU.B001987	000552/2021/VLVH
208	1940000065	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	27/06/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.4	Giỏi	HPMU.B001988	000553/2021/VLVH
209	1940000067	Trần Thị	Hiền	Nữ	20/10/1985	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.31	Giỏi	HPMU.B001989	000554/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
210	1940000003	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	16/08/1976	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.5	Giỏi	HPMU.B001990	000555/2021/VLVH
211	1940000020	Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	02/10/1979	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.25	Giỏi	HPMU.B001991	000556/2021/VLVH
212	1940000037	Lê Xuân	Hòa	Nam	05/07/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.09	Khá	HPMU.B001992	000557/2021/VLVH
213	1940000063	Trịnh Thị	Hòa	Nữ	06/05/1978	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.3	Giỏi	HPMU.B001993	000558/2021/VLVH
214	1940000040	Hoàng Thị	Hợi	Nữ	19/03/1983	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.4	Giỏi	HPMU.B001994	000559/2021/VLVH
215	1940000059	Đinh Thị	Hồng	Nữ	24/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.44	Giỏi	HPMU.B001995	000560/2021/VLVH
216	1940000011	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/09/1986	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.37	Giỏi	HPMU.B001996	000561/2021/VLVH
217	1940000005	Hoàng Thị	Huê	Nữ	10/09/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.41	Giỏi	HPMU.B001997	000562/2021/VLVH
218	1940000012	Lê Thị	Huệ	Nữ	11/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.34	Giỏi	HPMU.B001998	000563/2021/VLVH
219	1940000019	Lê Thị	Huệ	Nữ	16/10/1978	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.23	Giỏi	HPMU.B001999	000564/2021/VLVH
220	1940000069	Lưu Thị Thanh	Huệ	Nữ	15/01/1984	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.46	Giỏi	HPMU.B002000	000565/2021/VLVH
221	1940000024	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	25/08/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.33	Giỏi	HPMU.B002001	000566/2021/VLVH
222	1940000023	Đỗ Thị	Hương	Nữ	05/05/1984	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.13	Khá	HPMU.B002002	000567/2021/VLVH
223	1940000026	Lê Thị	Hương	Nữ	01/06/1982	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.14	Khá	HPMU.B002003	000568/2021/VLVH
224	1940000068	Trương Thị	Hương	Nữ	14/04/1982	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.44	Giỏi	HPMU.B002004	000569/2021/VLVH
225	1940000073	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	22/08/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.42	Giỏi	HPMU.B002005	000570/2021/VLVH
226	1940000062	Hoàng Thị	Lê	Nữ	02/04/1983	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.26	Giỏi	HPMU.B002006	000571/2021/VLVH
227	1940000025	Đỗ Thị	Lệ	Nữ	08/07/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.35	Giỏi	HPMU.B002007	000572/2021/VLVH
228	1940000082	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	16/05/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.33	Giỏi	HPMU.B002008	000573/2021/VLVH
229	1940000054	Hoàng Thị Phương	Loan	Nữ	30/10/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.39	Giỏi	HPMU.B002009	000574/2021/VLVH
230	1940000090	Phạm Thị	Loan	Nữ	02/08/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.34	Giỏi	HPMU.B002010	000575/2021/VLVH
231	1940000017	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	06/06/1986	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.26	Giỏi	HPMU.B002011	000576/2021/VLVH
232	1940000016	Đỗ Thị	Nga	Nữ	20/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.36	Giỏi	HPMU.B002012	000577/2021/VLVH
233	1940000057	Lê Thị	Nguyên	Nữ	20/09/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.16	Khá	HPMU.B002013	000578/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
234	1940000010	Huỳnh Long Kim	Oanh	Nữ	11/11/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.21	Giỏi	HPMU.B002014	000579/2021/VLVH
235	1940000045	Phạm Thị	Oanh	Nữ	17/10/1983	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.3	Giỏi	HPMU.B002015	000580/2021/VLVH
236	1940000050	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	13/04/1984	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.14	Khá	HPMU.B002016	000581/2021/VLVH
237	1940000043	Phạm Thị	Phương	Nữ	24/01/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.38	Giỏi	HPMU.B002017	000582/2021/VLVH
238	1940000075	Phạm Thị	Phương	Nữ	15/10/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.43	Giỏi	HPMU.B002018	000583/2021/VLVH
239	1940000084	Lê Thị Hồng	Phượng	Nữ	09/09/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.24	Giỏi	HPMU.B002019	000584/2021/VLVH
240	1940000077	Đặng Văn	Quý	Nam	16/11/1985	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.13	Khá	HPMU.B002020	000585/2021/VLVH
241	1940000048	Nguyễn Hữu	Quyết	Nam	02/12/1986	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.5	Giỏi	HPMU.B002021	000586/2021/VLVH
242	1940000008	Lê Thị	Tâm	Nữ	24/02/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.41	Giỏi	HPMU.B002022	000587/2021/VLVH
243	1940000089	Lê Thị	Tâm	Nữ	20/01/1994	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.25	Giỏi	HPMU.B002023	000588/2021/VLVH
244	1940000046	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	30/10/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.21	Giỏi	HPMU.B002024	000589/2021/VLVH
245	1940000080	Vũ Thị Thu	Thảo	Nữ	17/03/1991	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.36	Giỏi	HPMU.B002025	000590/2021/VLVH
246	1940000028	Chu Thị	Thiệu	Nữ	17/08/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.28	Giỏi	HPMU.B002026	000591/2021/VLVH
247	1940000029	Phạm Quang	Thọ	Nam	07/02/1985	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.3	Giỏi	HPMU.B002027	000592/2021/VLVH
248	1940000047	Lê Thị	Thơm	Nữ	06/02/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.23	Giỏi	HPMU.B002028	000593/2021/VLVH
249	1940000014	Trần Thị	Thu	Nữ	20/07/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.31	Giỏi	HPMU.B002029	000594/2021/VLVH
250	1940000076	Đàm Thị	Thư	Nữ	01/12/1978	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.08	Khá	HPMU.B002030	000595/2021/VLVH
251	1940000018	Hà Thị	Thúy	Nữ	02/01/1983	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.26	Giỏi	HPMU.B002031	000596/2021/VLVH
252	1940000087	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	10/08/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.28	Giỏi	HPMU.B002032	000597/2021/VLVH
253	1940000032	Lê Thị	Thúy	Nữ	16/06/1991	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.35	Giỏi	HPMU.B002033	000598/2021/VLVH
254	1940000086	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	18/04/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.3	Giỏi	HPMU.B002034	000599/2021/VLVH
255	1940000006	Bùi Thị	Thùy	Nữ	18/06/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.26	Giỏi	HPMU.B002035	000600/2021/VLVH
256	1940000055	Phạm Thị	Thùy	Nữ	02/04/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.27	Giỏi	HPMU.B002036	000601/2021/VLVH
257	1940000013	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	20/07/1995	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.27	Giỏi	HPMU.B002037	000602/2021/VLVH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
258	1940000041	Nguyễn Đình	Tiến	Nam	20/08/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.17	Khá	HPMU.B002038	000603/2021/VLVH
259	1940000002	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/06/1987	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.32	Giỏi	HPMU.B002039	000604/2021/VLVH
260	1940000031	Phạm Minh	Trang	Nữ	28/10/1995	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.12	Khá	HPMU.B002040	000605/2021/VLVH
261	1940000058	Phạm Thị Tuyết	Trang	Nữ	02/10/1985	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.3	Giỏi	HPMU.B002041	000606/2021/VLVH
262	1940000044	Phạm Văn	Trung	Nam	06/08/1992	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.32	Giỏi	HPMU.B002042	000607/2021/VLVH
263	1940000027	Mai Anh	Tú	Nam	09/12/1988	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.27	Giỏi	HPMU.B002043	000608/2021/VLVH
264	1940000079	Lại Đức	Tuấn	Nam	03/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.04	Khá	HPMU.B002044	000609/2021/VLVH
265	1940000039	Lê Ngọc	Tùng	Nam	26/10/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.45	Giỏi	HPMU.B002045	000610/2021/VLVH
266	1940000078	Vũ Thị Kim	Tuyến	Nữ	06/08/1989	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.31	Giỏi	HPMU.B002046	000611/2021/VLVH
267	1940000088	Trịnh Thị	Tuyết	Nữ	05/10/1979	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.26	Giỏi	HPMU.B002047	000612/2021/VLVH
268	1940000009	Mã Thị	Vân	Nữ	14/06/1990	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.25	Giỏi	HPMU.B002048	000613/2021/VLVH
269	1940000061	Lê Thị Thúy	Vi	Nữ	26/07/1995	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.24	Giỏi	HPMU.B002049	000614/2021/VLVH
270	1940000071	Trương Văn	Vương	Nam	05/10/1986	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.41	Giỏi	HPMU.B002050	000615/2021/VLVH
271	1940000066	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	03/12/1981	Tỉnh Hải Dương	ĐDCĐ.K2.Thanh Hóa	3.25	Giỏi	HPMU.B002051	000616/2021/VLVH

Tổng cộng: **271**

Xuất sắc 1

Giỏi 205

Khá 65

Người lập

Vũ Hải Bình

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải